

Thâm hụt thương mại của Việt Nam: thực trạng và giải pháp

THS PHẠM CAO BẰNG

Công ty TNHH MTV Bioseed Việt Nam

Kể từ khi thực hiện chính sách đổi mới kinh tế, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam có sự thay đổi to lớn. Xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, trong suốt thời gian qua, thâm hụt thương mại luôn là vấn đề nóng của nước ta. Một mặt, nó cho thấy nền kinh tế của chúng ta đã hội nhập rất sâu, rộng với kinh tế thế giới. Mặt khác, nó cũng cho thấy rằng nền kinh tế của Việt Nam còn chưa đạt được khả năng sản xuất độc lập, nhất là sản xuất các hàng hóa xuất khẩu ra thị trường thế giới. Bài viết này đề cập đến thực trạng thâm hụt thương mại của Việt Nam và xem xét các nguyên nhân của tình trạng này, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục thâm hụt thương mại trong thời gian tới.

Cán cân thương mại (CCTM) và thâm hụt thương mại

CCTM phản ánh chênh lệch giữa các khoản thu từ xuất khẩu và các khoản chi cho nhập khẩu hàng hóa của một nước với nước ngoài trong một thời kỳ xác định (thường là 1 năm).

CCTM là chênh lệch giữa giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của một quốc gia. Khi thu nhập từ xuất khẩu lớn hơn các khoản chi cho nhập khẩu hàng hóa thì CCTM thặng dư. Thặng dư thương mại làm cho một quốc gia có thể tích lũy của cải và giàu lên. Ngược lại, khi thu nhập từ xuất khẩu thấp hơn chi cho nhập khẩu hàng hóa thì CCTM thâm hụt. CCTM cân bằng khi thu từ xuất khẩu hàng hóa bằng chi cho nhập khẩu hàng hóa.

Tình trạng thặng dư hay thâm hụt CCTM chưa thể hiện được trạng thái thực tế của nền kinh tế. Đối với các nước kém phát triển trong giai đoạn đầu thực hiện công nghiệp hóa thường đối diện với vấn đề thâm hụt CCTM vì các nước đó phải nhập khẩu hầu hết các yếu tố sản xuất để phát triển kinh tế. Nếu phát triển công nghiệp hóa thành công, các

nước có thể cân bằng CCTM và đạt được thặng dư nếu tận dụng tốt các lợi thế so sánh của mình. Tuy nhiên, về dài hạn, tất cả mọi nền kinh tế đều mong muốn có một CCTM lành mạnh thể hiện rõ năng lực sản xuất của nền kinh tế đó.

Để khắc phục vấn đề thâm hụt CCTM, về nguyên tắc một nền kinh tế phải đẩy mạnh xuất khẩu để kim ngạch xuất khẩu vượt quá kim ngạch nhập khẩu. Đây là một vấn đề rộng lớn vì có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến khả năng xuất và nhập khẩu của một nền kinh tế như chính sách thương mại, chính sách đầu tư, chính sách tỷ giá...

Thực trạng CCTM của Việt Nam 2000-2013

Thâm hụt thương mại của Việt Nam diễn ra kể từ khi đổi mới kinh tế cho đến nay. Đặc biệt từ năm 2007, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tình trạng thâm hụt CCTM của Việt Nam ngày càng gia tăng. Hai năm cuối cùng Việt Nam đã có thặng dư khiêm tốn. Bảng 1 minh họa tình hình xuất nhập khẩu và thâm hụt thương mại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2000 trở lại đây.

Bảng 1: xuất nhập khẩu và CCTM của Việt Nam từ 2000 đến nay
(đơn vị tính: triệu USD)

Chi tiêu	Trước khi gia nhập WTO						
	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
CCTM	376	481	-1.054	-2.555	-2.287	-2.439	-2.776
Xuất khẩu	14.448	15.027	16.706	20.149	26.485	32.447	39.826
Nhập khẩu	14.072	14.546	17.760	22.704	28.772	34.886	42.602
Chi tiêu	Sau khi gia nhập WTO						
	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
CCTM	-10.438	-12.782	-8.306	-7.048	-9.848	3.282	875
Xuất khẩu	48.561	62.685	57.096	72.237	96.906	114.529	132.175
Nhập khẩu	58.999	75.467	65.402	79.289	106.750	111.347	131.300

(nguồn: tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và Bộ Công thương)

Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập rất nhanh vào nền kinh tế thế giới. Tốc độ tăng trưởng của xuất nhập khẩu rất cao và nền kinh tế Việt Nam đã có độ mở rất lớn. Trong một chừng mực nhất định, đó là dấu hiệu tích cực đối với sự phát triển kinh tế vì xuất nhập khẩu đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam kể từ khi đổi mới kinh tế. Tuy nhiên, tình trạng thâm hụt dài và liên tục của CCTM đã đặt ra các vấn đề nghiêm túc đối với sự phát triển dài hạn của kinh tế Việt Nam. Có thể lý giải thâm hụt CCTM theo các giác độ sau đây:

Về xuất khẩu

Mặc dù xuất khẩu của Việt Nam đã tăng nhanh trong thời gian qua, nhưng tốc độ và quy mô chưa đủ lớn để vượt nhập khẩu. Tồn tại này do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vẫn mang nặng tính chất “thô”, đơn điệu và cơ cấu xuất khẩu chậm chuyển dịch. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chưa thực sự đa dạng, vẫn chỉ tập trung vào một số ngành hàng xuất khẩu chính như dầu thô, dệt may, thủy sản, nông sản và giày dép. Đây là những hàng hóa có cấu trúc kém co giãn, do đó Việt Nam dễ chịu ảnh hưởng tiêu cực khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa cũng như những biến động trong nhu cầu ở thị trường nước ngoài.

Thứ hai, các mặt hàng đó còn bị giới hạn bởi khả năng sản xuất do không tái tạo được như dầu thô và các loại khoáng sản khác cũng như khó tăng được sản lượng do ràng buộc về khả năng sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu dầu thô, than đá ngày càng giảm do sản lượng bị cạn kiệt và các điều kiện khai thác ngày càng trở nên khó khăn hơn¹. Các mặt hàng như gỗ, hạt điều... phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên

liệu từ nước ngoài. Biến động môi trường trên thế giới và hiện tượng trái đất nóng lên sẽ tác động tiêu cực đến các điều kiện sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Bảng 2 cho thấy các nhóm hàng nông lâm thủy sản, nguyên liệu và khoáng sản và các mặt hàng khác gặp rào cản về tốc độ tăng trưởng. Chỉ có nhóm hàng chế biến có tốc độ tăng trưởng đáng kể.

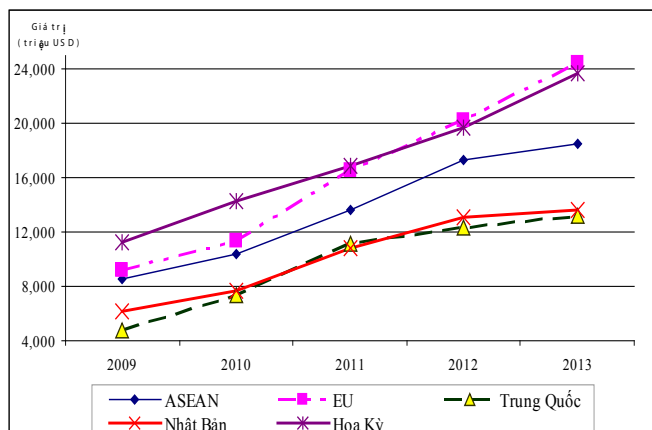
Bảng 2: xuất khẩu hàng hoá theo mặt hàng giai đoạn 2011-2013
(đơn vị tính: trị giá triệu USD; tỷ trọng %)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
Tổng kim ngạch xuất khẩu	72.237	100,0	96.906	100,0	114.529	100,0	132.175	100,0
Nhóm nông, lâm, thủy sản	15.275	21,1	19.748	20,4	20.968	18,3	19.853	15,0
Nhóm nhiên liệu và khoáng sản	8.070	11,2	11.220	11,6	11.479	10,0	9.604	7,3
Nhóm công nghiệp chế biến	38.751	53,6	59.352	61,2	74.256	64,8	93.181	70,5
Hàng hoá khác	10.141	14,0	6.586	6,8	7.826	6,8	9.537	7,2

(nguồn: Bộ Công thương, 2013)

Thứ ba, một điểm yếu của hàng xuất khẩu Việt Nam là giá trị gia tăng thấp, do đó lợi nhuận thực tế sẽ rất thấp. Các yếu tố “nội địa” còn rất hạn chế, tính gia công lắp ráp dựa vào lao động rẻ còn phổ biến. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng xuất khẩu ngày càng tăng trong các năm qua. Điều đó cho thấy hạn chế về năng lực sản xuất của khu vực sản xuất nội địa. Các sản phẩm có kim ngạch lớn và tốc độ tăng trưởng cao, trình độ công nghệ tiên tiến đều thuộc khu vực doanh nghiệp FDI, trong đó phần giá trị gia tăng chủ yếu là lao động giá rẻ của Việt Nam. Mặt hàng điện tử hầu như do các doanh nghiệp FDI chi phối.

Thứ tư, về thị trường xuất khẩu của Việt Nam, sự tập trung quá mức vào các thị trường lớn như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản và Trung Quốc sẽ tạo ra rủi ro lớn khi các khu vực trên bị suy thoái như thời gian vừa qua và các khó khăn về rào cản kỹ thuật của các thị trường đó. Việt Nam có xuất siêu khá lớn đối với Mỹ, EU và Nhật Bản. Thực tế cho thấy, các vụ kiện bán phá giá đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng trong thời gian qua và các vụ kiện này thường xảy ra tại các thị trường đó.



Biểu đồ 1: kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường lớn từ năm 2009 đến năm 2013
(nguồn: Bộ Công thương)

Về nhập khẩu

Nhập khẩu của Việt Nam tăng cao hơn tốc độ xuất khẩu, gây ra thâm hụt thương mại trong thời gian dài. Đặc điểm chung của nhập khẩu Việt Nam là tăng về khối lượng lớn hơn sự biến động của chỉ số giá nhập khẩu. Các nguyên nhân sau đây gây ra sự gia tăng của nhập khẩu:

Một là, mặc dù quá trình đổi mới kinh tế đã diễn ra khá dài nhưng Việt Nam vẫn phải nhập rất nhiều hàng hóa phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, từ tư liệu sản xuất như máy móc thiết bị đến nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất và nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của dân cư. Ví dụ như: xăng dầu, nguyên vật liệu ngành dệt, ngành da giày, linh kiện điện tử là những ngành đóng góp cho xuất khẩu. Là một nước nông nghiệp truyền thống và có nhiều mặt hàng xuất khẩu có thứ hạng cao trên thị trường thế giới (như: gạo, cà phê, cao su...), vậy mà Việt Nam vẫn phải nhập khẩu rất nhiều phân bón và thuốc trừ sâu để phục vụ cho sản xuất. Điều đó cho thấy sự yếu kém của các ngành sản xuất trong nước và xu hướng tiếp tục gia tăng nhập khẩu để phát triển kinh tế trong thời gian tới.

Hai là, về cơ cấu hàng hóa thị trường nhập khẩu, châu Á đóng vai trò quan trọng nhất đối với Việt Nam (chiếm hơn 80% năm 2013), châu Âu và Mỹ chỉ chiếm khoảng 15%. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Trung Quốc và Hàn Quốc đã trở thành bạn hàng chính của Việt Nam. Đây là một vấn đề đáng lo ngại bởi trình độ công nghệ của họ không phải là tiên tiến trên thế giới. Lợi nhuận trong ngắn hạn nhờ giá rẻ sẽ làm mất đi khả năng cạnh tranh dài hạn của sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam trong tương lai. Bảng 3 minh họa rõ xu thế thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam trong những năm gần đây.

Bảng 3: nhập khẩu của Việt Nam phân theo thị trường 2011-2013
(đơn vị tính: trị giá triệu USD; tỷ trọng %)

Thị trường	2011		2012		2013	
	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
Tổng kim ngạch nhập khẩu	106.705	100,0	114.347	100,0	131.300	100,0
+ Châu Á	83.562	78,3	91.413	79,9	106.616	81,2
+ Châu Âu	10.683	10,0	10.366	9,1	10.898	8,3
+ Châu Mỹ	7.185	6,7	7.799	6,8	8.403	6,4
+ Châu Phi				0,3	525	0,4
+ Châu Đại Dương				1,9	1.970	1,5
+ Phần còn lại				2,0	2.889	2,2

(nguồn: Bộ Công thương)

Ba là, cùng với việc gia nhập WTO từ năm 2007, Việt Nam phải tuân thủ các quy định của tổ chức này. Thu nhập tăng lên của nền kinh tế cộng với tâm lý sinh hàng ngoại, gần đây nhập khẩu những loại hàng hóa xa xỉ như: ô tô, rượu ngoại, trang sức, thuốc lá, điện thoại... đang có xu hướng tăng. Năm 2010, giá trị nhập khẩu các mặt hàng này lên tới 9 tỷ USD.

Một số giải pháp khắc phục thâm hụt thương mại trong thời gian tới

Để có thể có CCTM tích cực, cần đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển xuất khẩu một cách bền vững và kiểm soát nhập khẩu một cách hiệu quả, phù hợp với đòi hỏi của hội nhập quốc tế. Các giải pháp cụ thể như sau:

- Tăng cường đầu tư cho hoạt động sản xuất hàng hóa chế biến và có trình độ công nghệ cao hơn thông qua đẩy mạnh hơn nữa quá trình công nghiệp hóa. Xây dựng có hiệu quả các ngành công nghiệp phụ trợ kết hợp với thu hút FDI vào khu vực sản xuất phục vụ xuất khẩu.
- Kiểm soát nhập khẩu có hiệu quả, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu. Sử dụng các biện pháp đồng bộ như: rào cản kỹ thuật, chính sách tiền tệ; tăng mạnh xuất khẩu để thu hẹp chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thông qua việc sử dụng hàng rào kỹ thuật. Để đảm bảo xuất và nhập khẩu có hiệu quả tích cực, Chính phủ cần đảm bảo môi trường vĩ mô ổn định và có chính sách tỷ giá linh hoạt hơn trong thời gian tới và thực hiện chính sách hội nhập tích cực hơn nữa vào kinh tế thế giới ■

Chú thích và tài liệu tham khảo

- ¹ Theo Tổng công ty Than, từ 2015, Việt Nam phải nhập khẩu nhiều than để phục vụ sản xuất điện do than nội địa không đáp ứng yêu cầu chất lượng.
- Đại học Kinh tế Quốc dân (2012), Giáo trình Kinh tế quốc tế, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
 - Hà Thị Ngọc Oanh (2006), Kinh tế đối ngoại: Những nguyên lý và vận dụng tại Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
 - Nguyễn Văn Thường (2005), Tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Những rào cản cần phải vượt qua, Nhà xuất bản Lý luận chính trị.
 - Kenichi Ohno (2006), Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thái Lan, Malaysia và Nhật Bản, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
 - Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Kinh tế Việt Nam 2013 và triển vọng 2014, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân 2014.